

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2023

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Thanh Vũ

Bà Danh Kim Tuyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 04 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn: Ông Trịnh Văn G, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 15/03/2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Vào ngày 03/11/2010, bà Huỳnh Thị T và ông Trịnh Văn G đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã N. Ông G và bà T chung sống với nhau có 03 con chung tên Trịnh Triệu P, sinh ngày 24/12/2010, Trịnh Phú Q, sinh ngày 15/02/2013 và Trịnh Ngọc G1, sinh ngày 07/02/2019.

Trong quá trình chung sống bà T và ông G lúc đầu hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc, nên bà T và ông G không còn chung sống với nhau từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống bà T và ông G không có tài sản chung cũng như nợ chung.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà T yêu cầu ly hôn với ông G.

- Về con chung: Bà T yêu cầu nuôi con tên Trịnh Ngọc G1, sinh ngày 07/02/2019 và bà không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Trịnh Triệu P, sinh ngày 24/12/2010, Trịnh Phú Q, sinh ngày 15/02/2013 đang sống với ông G nên bà T đồng ý giao cho ông G tiếp tục nuôi dưỡng và bà T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu xem xét, giải quyết.

2/ Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai, ông Trịnh Văn G trình bày:

Ông G không đồng ý ly hôn, vì còn thương bà T nên muốn hàn gắn.

Về con chung ông G cho rằng 02 con chung tên P và Q đã lớn nên ông G đồng ý theo nguyện vọng của các con và yêu cầu được nuôi con chung tên Trịnh Ngọc G1.

Về tài sản chung, nợ chung ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn có mặt đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Trịnh Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b

khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị T và ông Trịnh Văn G tự nguyện kết hôn với nhau, tại thời điểm đăng ký kết hôn bà T, ông G đã đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã M, thị xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/11/2010, do vậy hôn nhân của ông, bà là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống ông, bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vì vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính cách, đến năm 2021 thì ông, bà đã sống ly thân với nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà T và ông G đã không còn, cuộc sống hôn nhân của ông, bà không thể tiếp tục duy trì. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giải quyết bà T được ly hôn với ông G.

[3]. Về con chung: Bà T yêu cầu nuôi con tên Trịnh Ngọc G1, sinh ngày 07/02/2019. Đối với con chung tên Trịnh Triệu P, sinh ngày 24/12/2010, Trịnh Phú Q, sinh ngày 15/02/2013 đang sống với ông G nên bà T đồng ý giao cho ông G tiếp tục nuôi dưỡng. Ông G cũng có nguyện vọng nuôi con chung tên Trịnh Ngọc G1.

Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu G1 đang sống chung với bà T, cuộc sống của cháu đang ổn định và hiện nay cháu G1 phát triển bình thường. Do đó nhằm để ổn định cuộc sống cũng như tâm lý của cháu G1, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Ngọc G1 cho đến tuổi trưởng thành. Nên yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của ông Trịnh Văn G không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với con chung tên Trịnh Triệu P, sinh ngày 24/12/2010, Trịnh Phú Q, sinh ngày 15/02/2013 đang sống với ông G và các cháu đều có nguyện vọng sống chung với ông G, đồng thời bà T đồng ý giao cho ông G tiếp tục nuôi dưỡng. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Triệu P, sinh ngày 24/12/2010, Trịnh Phú Q, sinh ngày 15/02/2013 cho đến tuổi trưởng thành

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: bà T và ông G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Trịnh Văn G.
2. Về con chung: Giao con chung tên Trịnh Triệu P, sinh ngày 24/12/2010 và Trịnh Phú Q, sinh ngày 15/02/2013 cho ông Trịnh Văn G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Giao con chung tên Trịnh Ngọc G1, sinh ngày 07/02/2019 cho bà Huỳnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Huỳnh Thị T và ông Trịnh Văn G không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Huỳnh Thị T và ông Trịnh Văn G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết bà Huỳnh Thị T và ông Trịnh Văn G không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí dân sự số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh Thị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006455 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

5/ Q1 kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt

hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND phường An Lợi Đông, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trúc Phương